

Bản án số: 75/2017/HSPT
Ngày 15/8/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Huy Toàn.

Các Thẩm phán: Ông Bùi Ngọc Thạch;

Ông Trần Thanh Hoàng.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Cơ - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa phúc thẩm xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 105/2017/HSPT ngày 17 tháng 7 năm 2017 đối với các bị cáo Trần Ngọc D, Trương Hữu S, Nguyễn Đình C và Mai Văn S. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2017/HSST ngày 07 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện D.

Họ và tên các bị cáo có kháng cáo:

1. Trần Ngọc D, sinh năm 1982 tại tỉnh Thanh Hóa; hộ khẩu thường trú: Ấp R, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương; chỗ ở: Khu phố A, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 8/12; con ông Trần Ngọc Đ (đã chết) và bà Phạm Thị H, sinh năm 1953; có vợ là Lê Thị T, sinh năm 1980 và 02 người con (sinh năm 2009 và năm 2011); tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 20 tháng 01 năm 2017 đến ngày 23 tháng 01 năm 2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Trương Hữu S (tên gọi khác: S1), sinh năm 1945 tại tỉnh Thanh Hoá; hộ khẩu thường trú: Ấp R, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/10; con ông Trương Hữu N (đã chết) và bà Đặng Thị Đ (đã chết); có vợ là Trần Thị T, sinh năm 1950 và có 05 người con (lớn nhất sinh năm 1970, nhỏ nhất sinh năm 1990); tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 20 tháng 01 năm 2017 đến ngày 23 tháng 01 năm 2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Nguyễn Đình C, sinh năm 1988 tại tỉnh Bình Dương; hộ khẩu thường trú: Ấp S, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 8/12; con ông Nguyễn Đình H, sinh năm 1966 và bà Mai Thị S, sinh năm 1967; có

vợ là Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1989 và có 02 người con (sinh năm 2012 và năm 2015); tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 20 tháng 01 năm 2017 đến ngày 23 tháng 01 năm 2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. Mai Văn S, sinh năm 1972 tại tỉnh Thanh Hoá; hộ khẩu thường trú: Ấp R, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 01/12; con ông Mai Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1929; có vợ là Vũ Thị D, sinh năm 1971 và có 02 người con (sinh năm 1991 (đã chết) và năm 1995); tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 20 tháng 01 năm 2017 đến ngày 23 tháng 01 năm 2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Ngoài ra, còn có 02 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, do không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Cáo trạng số 28/CT-VKS ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện D và Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2017/HSST ngày 07 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện D thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 20/01/2017, Trần Ngọc D điều khiển xe mô tô Dream, biển số 61F7-31X đến quán cà phê của bà Nguyễn Thị H tại ấp R, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương để uống nước. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, Nguyễn Đình C điều khiển xe mô tô Sirius, biển số 61H1-088.Y đến quán của bà H để uống nước thì gặp D, D rủ C tìm thêm người để đánh bài thắng thua bằng tiền, lúc này C thấy Trương Hữu S điều khiển xe mô tô Dream, biển số 61T7-58Z đi ngang qua nên C gọi Trương Hữu S vào và rủ Trương Hữu S tham gia đánh bài, Trương Hữu S đồng ý. D, C và Trương Hữu S lấy 01 cái bàn và 03 cái ghế nhựa, 01 bộ bài tây gồm 52 lá tại quán của bà H ra phía sau căn nhà hoang cạnh quán của bà H để đánh bài. Cả ba người ngồi đánh bài, xoay vòng mỗi người làm cái 01 ván, đặt mỗi ván từ 50.000 (năm mươi nghìn) đồng đến 200.000 (hai trăm nghìn) đồng. Đến khoảng 08 giờ 30 phút cùng ngày, Mai Văn S điều khiển xe mô tô AirBlade, biển số 61H1-251.B đến quán của bà H để uống nước thì thấy D, C và Trương Hữu S đang đánh bài phía sau căn nhà hoang nên xin chơi cùng. Cả bốn người chơi xoay vòng mỗi người làm cái 01 ván đặt tiền từ 50.000 (năm mươi nghìn) đồng đến 200.000 (hai trăm nghìn) đồng. Đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện D bắt quả tang và thu giữ vật chứng. Trong đó, thu giữ trên người các bị cáo tổng số tiền 15.428.000 (mười lăm triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn) đồng. Cụ thể: Thu giữ của Trần Ngọc D số tiền 9.490.000 (chín triệu bốn trăm chín mươi nghìn) đồng, Trương Hữu S số tiền 563.000 (năm trăm sáu mươi ba nghìn) đồng, Nguyễn Đình C số tiền 4.970.000 (bốn triệu chín trăm bảy mươi nghìn) đồng, Mai Văn S số tiền 405.000 (bốn trăm lẻ năm nghìn) đồng.

Quá trình điều tra xác định hành vi tham gia đánh bạc của các bị cáo như sau:

- Trần Ngọc D mang theo số tiền 8.790.000 (tám triệu bảy trăm chín mươi nghìn) đồng để đánh bạc, tham gia đặt cược khoảng 25 ván, làm cái khoảng 06 ván và thắng được số tiền 700.000 (bảy trăm nghìn) đồng.

- Trương Hữu S mang theo số tiền 1.563.000 (một triệu năm trăm sáu mươi ba nghìn đồng) để đánh bạc, tham gia đặt cược khoảng 25 ván, làm cái khoảng 06 ván và thua số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng.

- Nguyễn Đình C mang theo số tiền 4.070.000 (bốn triệu không trăm bảy mươi nghìn) đồng để đánh bạc, tham gia đặt cược khoảng 25 ván, làm cái khoảng 06 ván và thắng được số tiền 900.000 (chín trăm nghìn) đồng.

- Mai Văn S mang theo số tiền 1.005.000 (một triệu không trăm lẻ năm nghìn) đồng để đánh bạc, tham gia đặt cược khoảng 20 ván, làm cái khoảng 05 ván và thua số tiền 405.000 (bốn trăm lẻ năm nghìn) đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2017/HSST ngày 07 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện D đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Trần Ngọc D, Trương Hữu S, Nguyễn Đình C, Mai Văn S phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 53 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc D 04 (bốn) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 20 tháng 01 năm 2017 đến ngày 23 tháng 01 năm 2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p, m khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 53 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trương Hữu S 03 (ba) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 20 tháng 01 năm 2017 đến ngày 23 tháng 01 năm 2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 53 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình C 03 (ba) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 20 tháng 01 năm 2017 đến ngày 23 tháng 01 năm 2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 53 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Mai Văn S 03 (ba) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 20 tháng 01 năm 2017 đến ngày 23 tháng 01 năm 2017.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/6/2017, các bị cáo Trần Ngọc D, Trương Hữu S, Nguyễn Đình C và Mai Văn S có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến: Tội danh, điều luật mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và áp dụng đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo D, C, Mai Văn S cung cấp thêm tình tiết có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Tuy nhiên, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo D, C, Mai Văn S là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Đối với kháng cáo của bị cáo Trương Hữu S, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo, đồng thời bị cáo cung cấp thêm tình tiết bị cáo bị bệnh phải điều trị bằng thuốc, xét bị cáo Trương Hữu S có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “người phạm tội là người già”. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên mức hình phạt đối với các bị cáo D, C, Mai Văn S. Đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trương Hữu S, sửa một phần bản án sơ thẩm, xử phạt bị cáo Trương Hữu S 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Bị cáo D nói lời sau cùng: Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, phải nuôi con còn nhỏ, mẹ già; bị cáo phạm tội lần đầu. Mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Trương Hữu S nói lời sau cùng: Mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo C nói lời sau cùng: Bị cáo là lao động chính trong gia đình, hiện không có việc làm ổn định, con của bị cáo còn nhỏ. Mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Mai Văn S nói lời sau cùng: Mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Khoảng 08 giờ ngày 20/01/2017, tại quán cà phê của bà Nguyễn Thị H thuộc ấp R, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương, các bị cáo Trần Ngọc D, Trương Hữu S, Nguyễn Đình C và Mai Văn S đã thực hiện hành vi đánh bạc với hình thức binh xập xám (bài tây 52 lá), mỗi người làm cái 01 ván theo hình thức xoay vòng, mỗi ván đặt từ 50.000 (năm mươi nghìn) đồng đến 200.000 (hai trăm nghìn) đồng. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 15.428.000 (mười lăm triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn) đồng.

[2]. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, nếp sống văn minh của xã hội, ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị

an tại địa phương. Về nhận thức, các bị cáo nhận thức được hành vi đánh bạc sát phạt lẫn nhau được thua bằng tiền là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, thể hiện ý thức xem thường pháp luật và bất chấp hậu quả. Các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình theo quy định của pháp luật. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo D, C, Mai Văn S và chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trương Hữu S, xử phạt bị cáo Trương Hữu S 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo D là người khởi xướng cho các bị cáo khác thực hiện hành vi đánh bạc và trực tiếp tham gia đánh bạc. Đồng thời, trong tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc thì bị cáo D sử dụng số tiền đánh bạc là 8.790.000 (tám triệu bảy trăm chín mươi nghìn) đồng, bị cáo C sử dụng số tiền 4.070.000 (bốn triệu không trăm bảy mươi nghìn) đồng. Như vậy, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với các bị cáo D, C là phù hợp so với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Do đó, đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về việc không chấp nhận kháng cáo của bị cáo D, C là có căn cứ.

Đối với hành vi đánh bạc của các bị cáo Mai Văn S và Trương Hữu S, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo sử dụng số tiền dùng vào việc đánh bạc không lớn, bị cáo Trương Hữu S sử dụng số tiền 1.563.000 (một triệu năm trăm sáu mươi ba nghìn) đồng, bị cáo Mai Văn S sử dụng số tiền 1.005.000 (một triệu không trăm lẻ năm nghìn) đồng. Như vậy, hành vi của các bị cáo Mai Văn S và Trương Hữu S có tính chất nguy hiểm thấp hơn bị cáo C. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng mức hình phạt 03 (ba) tháng tù đối với các bị cáo Mai Văn S và Trương Hữu S bằng mức hình phạt đối với bị cáo C là không phù hợp, chưa tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như chưa phân hóa được vai trò của các bị cáo. Do đó, đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về việc không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Mai Văn S, Trương Hữu S về việc xin giảm nhẹ hình phạt và đối với đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trương Hữu S về việc xin được hưởng án treo là không phù hợp.

[4]. Xét kháng cáo của các bị cáo D, C: Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tại Tòa án cấp phúc thẩm, các bị cáo cung cấp thêm tình tiết có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Tuy nhiên, như đã phân tích ở trên, hành vi của bị cáo D khởi xướng việc đánh bạc, trực tiếp đánh bạc, trong tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc thì các bị cáo D, C sử dụng số tiền lớn hơn các bị cáo khác. Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là không nặng. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo D, C.

[5]. Xét kháng cáo của bị cáo Trương Hữu S: Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Tại Tòa án cấp phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm tình tiết bị cáo đang bị bệnh phải điều trị bằng thuốc. Căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo

thấy rằng, bị cáo đánh bạc với số tiền không lớn, việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo là chưa tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Xét bị cáo có tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội là người già” theo quy định tại điểm m khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, chuyển hình phạt tù thành hình phạt tiền cũng đủ sức răn đe, giáo dục đối với bị cáo. Do đó, có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trương Hữu S.

[6]. Xét kháng cáo của bị cáo Mai Văn S: Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tại Tòa án cấp phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm tình tiết có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng, bị cáo tham gia đánh bạc với số tiền không lớn, thời gian tham gia đánh bạc ít hơn so với các bị cáo khác. Việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo là chưa tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo, không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, chuyển hình phạt tù thành hình phạt tiền cũng đủ sức răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

Như vậy, quyết định của bản án sơ thẩm đối với các bị cáo D, C là có căn cứ pháp luật nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo D, C. Quyết định của bản án sơ thẩm đối với các bị cáo Mai Văn S và Trương Hữu S là chưa phù hợp nên có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Mai Văn S và Trương Hữu S.

Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Mai Văn S và Trương Hữu S không phải chịu. Các bị cáo Trần Ngọc D, Nguyễn Đình C phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248 và điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Ngọc D và Nguyễn Đình C. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2017/HSST ngày 07 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện D về phần hình phạt đối với các bị cáo Trần Ngọc D và Nguyễn Đình C.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Mai Văn S và Trương Hữu S. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2017/HSST ngày 07 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện D về phần hình phạt đối với các bị cáo Mai Văn S và Trương Hữu S:

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 53 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc D 04 (bốn) tháng tù về tội “Đánh bạc”; thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 20 tháng 01 năm 2017 đến ngày 23 tháng 01 năm 2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p Khoản 1, 2 Điều 46, Điều 53 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình C 03 (ba) tháng tù về tội “Đánh bạc”; thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ vào thời gian tạm giam từ ngày 20 tháng 01 năm 2017 đến ngày 23 tháng 01 năm 2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p, m khoản 1, 2 Điều 46, Điều 30, Điều 53 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Trương Hữu S 5.000.000 (năm triệu) đồng về tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 30, Điều 53 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Mai Văn S 5.000.000 (năm triệu) đồng về tội “Đánh bạc”.

2. Án phí hình sự phúc thẩm:

Áp dụng Điều 98; khoản 1 và khoản 2 Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo Mai Văn S và Trương Hữu S không phải nộp. Các bị cáo Trần Ngọc D, Nguyễn Đình C mỗi người phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí, về xử lý vật chứng không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;	1
- Phòng PV 27 CA tỉnh Bình Dương;	1
- TAND huyện D;	2
- VKSND huyện D;	1
- Chi cục THADS huyện D;	1
- CQCSĐT CA huyện D;	1
- Bị cáo;	4
- Trại Tạm giam CA tỉnh BD;	1
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;	1
- Tổ Hành chính Tư pháp;	2
- Lưu hồ sơ vụ án.	1

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Huy Toàn